



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 11 tháng 12 năm 2017. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/12/2018)
Ông Lê Mạc Thuấn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2019)
	Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/12/2018)
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/3/2018)
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Cao Hữu Hiếu	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/2/2018)
Ông Nguyễn Đức Trị	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/1/2019)

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam** **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 5 tháng 4 năm 2019





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 2(a), 3(a) và 3(c)(iv) của báo cáo tài chính riêng. Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a), 3(a) và 3(c)(iv) và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- Thuyết minh 5(c) và Thuyết minh 18 của báo cáo tài chính riêng. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán mà trước đó đã được xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 360.510 triệu VND (1/1/2018: 363.057 triệu VND). Cũng theo Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



Wang Toon Kim  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019



Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0861-2018-007-1



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.726.102.439.908</b>	<b>2.343.095.113.582</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.102.288.489.466</b>	<b>995.440.985.300</b>
Tiền	111		54.230.489.466	49.918.318.633
Các khoản tương đương tiền	112		1.048.058.000.000	945.522.666.667
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>178.000.000.000</b>	<b>303.242.178.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	-	47.062.178.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	178.000.000.000	256.180.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.170.775.448.050</b>	<b>841.687.022.820</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	120.195.281.369	135.755.514.888
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		66.450.775.601	77.284.331.468
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	150.169.536.154	109.783.108.142
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	843.385.755.983	518.864.068.322
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(9.425.901.057)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>247.773.884.298</b>	<b>165.831.278.352</b>
Hàng tồn kho	141		263.491.217.382	165.831.278.352
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.717.333.084)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.264.618.094</b>	<b>36.893.649.110</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.264.335.637	3.967.905.392
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		22.722.603.863	32.294.588.769
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	277.678.594	631.154.949

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>6.273.942.783.952</b>	<b>6.533.315.014.522</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.769.686.194.176</b>	<b>1.985.932.119.794</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	1.462.404.521.219	1.652.442.529.361
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	307.281.672.957	333.489.590.433
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.190.145.663.866</b>	<b>1.255.782.412.863</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.125.874.312.586	1.189.563.447.563
<i>Nguyên giá</i>	222		1.670.456.482.281	1.631.262.150.380
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(544.582.169.695)	(441.698.702.817)
Tài sản cố định vô hình	227	12	64.271.351.280	66.218.965.300
<i>Nguyên giá</i>	228		81.084.691.210	80.874.691.210
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(16.813.339.930)	(14.655.725.910)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>148.981.263.100</b>	<b>125.972.077.969</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	148.981.263.100	125.972.077.969
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(c)</b>	<b>3.113.204.183.515</b>	<b>3.066.500.881.219</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.203.600.033.899	2.154.953.836.070
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.045.808.066.642	1.045.808.066.642
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		51.426.323.409	52.409.757.683
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(187.630.240.435)	(186.670.779.176)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.925.479.295</b>	<b>99.127.522.677</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	51.925.479.295	99.101.522.677
Tài sản dài hạn khác	268		-	26.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>9.000.045.223.860</b>	<b>8.876.410.128.104</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>3.043.987.446.258</b>	<b>3.008.197.917.955</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>813.004.639.223</b>	<b>735.257.115.738</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	49.595.948.221	89.928.105.629
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.410.995.150	3.965.798.146
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	1.089.591.843	296.053.511
Phải trả người lao động	314		21.962.119.186	11.742.528.385
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17(a)	15.775.649.437	3.491.194.184
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		426.000.000	426.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	456.341.502.846	399.136.987.389
Vay ngắn hạn	320	19(a)	241.587.457.698	197.181.615.814
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	23.815.374.842	29.088.832.680
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.230.982.807.035</b>	<b>2.272.940.802.217</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17(b)	24.665.472.000	25.614.144.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.199.500.000	1.526.500.000
Phải trả dài hạn khác	337		224.230.230	86.372.730
Vay dài hạn	338	19(b)	2.204.893.604.805	2.245.713.785.487
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.956.057.777.602</b>	<b>5.868.212.210.149</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>5.925.676.752.600</b>	<b>5.835.789.558.127</b>
Vốn cổ phần	411	22	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		352.672.256.613	262.785.062.140
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		7.294.908.483	7.294.908.483
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		345.377.348.130	255.490.153.657
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	24	543.092.845.095	543.092.845.095
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>30.381.025.002</b>	<b>32.422.652.022</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	25	30.381.025.002	32.422.652.022
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>9.000.045.223.860</b>	<b>8.876.410.128.104</b>

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toánLê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>970.140.411.708</b>	<b>1.313.233.851.566</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>898.303.089.718</b>	<b>1.227.280.152.188</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>71.837.321.990</b>	<b>85.953.699.378</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	518.150.348.693	484.484.745.674
Chi phí tài chính	22	30	62.342.874.965	147.247.200.484
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		36.373.445.492	34.506.544.023
Chi phí bán hàng	25		30.910.307.301	32.819.378.239
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	152.893.945.703	135.692.753.900
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>343.840.542.714</b>	<b>254.679.112.429</b>
Thu nhập khác	31		1.688.186.426	1.820.977.647
Chi phí khác	32		151.381.010	1.009.936.419
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.536.805.416</b>	<b>811.041.228</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>345.377.348.130</b>	<b>255.490.153.657</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>345.377.348.130</b>	<b>255.490.153.657</b>

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>345.377.348.130</b>	<b>255.490.153.657</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		103.609.773.998	99.976.542.251
Các khoản dự phòng	03		26.102.695.400	109.970.779.176
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		22.503.627.510	(140.737.472)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(513.406.250.693)	(475.746.708.530)
Chi phí lãi vay	06		36.373.445.492	34.506.544.023
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20.560.639.837</b>	<b>24.056.573.105</b>
Biến động các khoản phải thu	09		2.364.141.917	(140.275.886.831)
Biến động hàng tồn kho	10		(97.659.939.030)	(9.023.278.915)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.184.894.210	(5.920.270.873)
Biến động chi phí trả trước	12		64.630.467.238	19.268.235.477
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		47.062.178.000	30.827.944.622
			<b>38.142.382.172</b>	<b>(81.066.683.415)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(30.888.940.742)	(4.315.921.354)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.916.338.647)	(50.890.894.121)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.662.897.217)</b>	<b>(136.273.498.890)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(113.558.961.051)	(366.140.327.214)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		139.100.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(46.799.700.000)	(135.392.019.778)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		180.009.149.410	323.491.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(13.000.000.000)	(50.049.220.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		983.434.274	700.142.078
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		352.823.958.175	399.236.195.759
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>360.596.980.808</b>	<b>171.845.770.845</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		660.307.171.892	1.164.009.357.496
Tiền trả nợ gốc vay	34		(710.745.431.230)	(773.933.816.139)
Tiền trả cổ tức	36		(199.986.447.000)	(249.993.996.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(250.424.706.338)</b>	<b>140.081.544.982</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>104.509.377.253</b>	<b>175.653.816.937</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>995.440.985.300</b>	<b>819.215.662.212</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>2.338.126.913</b>	<b>571.506.151</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>1.102.288.489.466</b>	<b>995.440.985.300</b>

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán  
Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.



## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (“GCNĐKHĐCN”) số 0100100008-019 ngày 17 tháng 11 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-045 ngày 1 tháng 4 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Phú Hưng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-046 ngày 30 tháng 7 năm 2014 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-047 ngày 16 tháng 4 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-048 ngày 1 tháng 6 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 770 nhân viên (1/1/2018: 1.186 nhân viên).



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau: Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

Nếu Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh năm 2016 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ cùng giảm 9.088 triệu VND (1/1/2018: 12.116 triệu VND) và chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ tăng và tăng cùng một giá trị là 3.029 triệu VND (2017: chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế TNDN sẽ tăng và giảm cùng một giá trị là 3.029 triệu VND).

### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **(c) Các khoản đầu tư**

#### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(ii) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

#### **(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”) và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng 10 đến 40 năm.

**(ii) Chi phí thuê nhà xưởng trả trước**

Chi phí thuê nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê là 15 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

**(v) Chi phí khác**

Chi phí khác chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn thủ tục cải cách doanh nghiệp và các chi phí đào tạo. Các khoản chi phí này được phân bổ trong thời gian 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).

#### (p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### (q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### (r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

## 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	1.779.385.509	1.605.689.971
Tiền gửi ngân hàng	52.316.780.257	48.312.628.662
Tiền đang chuyển	134.323.700	-
Các khoản tương đương tiền	1.048.058.000.000	945.522.666.667
	<hr/>	<hr/>
	1.102.288.489.466	995.440.985.300

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 7.562 triệu VND (1/1/2018: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 18(i)).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2018: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân	-	-	-	6.919.185
			47.062.178.000	51.893.887.500

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	178.000.000.000	178.000.000.000	256.180.000.000	265.089.956.416
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)				

(\*) Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 6,7% (1/1/2018: từ 5,3% đến 6,6%) một năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018				1/1/2018					
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)	51,00%	51,00%	529.510.310.129	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)	100,00%	100,00%	156.584.867.884	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)	64,96%	64,96%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	23.107.500.000	(23.107.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)	100,00%	100,00%	115.815.363.458	-	(*)
• Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)	67,15%	67,15%	28.259.101.159	(28.259.101.159)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(8.337.368.739)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(7.805.231.920)	(*)
• Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)	55,00%	55,00%	24.750.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)	51,00%	51,00%	41.822.531.336	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)	51,00%	51,00%	41.130.079.185	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)	53,85%	53,85%	39.196.265.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)	63,90%	63,90%	181.864.228.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	100,00%	100,00%	521.697.862.979	(59.279.579.157)	(*)	100,00%	100,00%	484.078.114.064	(48.991.009.354)	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (ii)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(68.646.691.380)	(*)	100,00%	100,00%	193.274.909.291	(78.507.936.743)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (iii)	52,00%	52,00%	13.000.000.000	-	(*)	-	-	-	-	(*)
			2.203.600.033.899	(187.630.240.435)				2.154.953.836.070	(186.670.779.176)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018		1/1/2018		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>					
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	27,69%	27,69%	64.157.524.344	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	33.294.660.248	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Đức Giang	35,21%	35,21%	48.705.288.796	-	(*)
• Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.350.233.063	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	96.422.578.752	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	30,40%	30,40%	282.635.440.119	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thăng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác			276.937.896.185	-	(*)
			1.045.808.066.642	-	
<b>Đơn vị khác</b>					
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thăng	18,02%	18,02%	6.305.925.360	-	(*)
• Quý Đầu tư Việt Nam	-	-	983.434.274	-	(*)
• Các khoản đầu tư khác			25.536.838.074	-	(*)
			51.426.323.409	-	
			3.300.834.423.950	(187.630.240.435)	3.253.171.660.395 (186.670.779.176)

Trong năm 2016, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Phương pháp định giá lại các khoản đầu tư được trình bày chi tiết trong Thuyết minh 3(c)(ii). Đồng thời, như được trình bày trong Thuyết minh 18(ii), tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam để tính toán và xác định chính xác khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần có thể sẽ được điều chỉnh theo kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

- (i) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex theo hình thức góp vốn bằng tài sản trị giá 37.620 triệu VND.
- (ii) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết toán và bàn giao Dự án Nhà máy May Vinatex Cần Thơ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, qua đó làm giảm giá trị khoản đầu tư vào công ty con của Tập đoàn 1.974 triệu VND.
- (iii) Ngày 11 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tham gia góp vốn thành lập một công ty con mới, Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng, với số vốn điều lệ là 25.000 triệu VND, trong đó tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn là 52%.

(\*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 16 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết (1/1/2018: 15 công ty con cấp 1 và 19 công ty liên kết). Các công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác đều được thành lập tại Việt Nam.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	35.618.331.785	1.501.551
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	17.045.341.835	9.142.154.206
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	7.324.385.130	-
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	2.621.763.156	868.421.052
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	3.556.673.252
▪ Các công ty con khác	1.384.229.000	136.694.580
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	115.162.949	155.700.160
▪ Các công ty liên kết khác	171.102.254	375.102.254
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	10.334.833.202	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	9.693.002.065	7.793.604.961
▪ Xiamen ITG Group Corp., Ltd.	-	10.462.885.116
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	-	10.211.652.691
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	17.749.803.691
▪ Công ty TNHH MTV The Blues	-	10.974.855.015
▪ Ozen Mensucat Boya Terbiye IS L.A.S	-	5.987.152.176
▪ ECOFIL DIS.TIC.A.S	-	5.827.310.607
▪ Winbright (M) Sdn Bhd	-	4.895.326.316
▪ Itochu Coporation Osarm	-	3.028.983.464
▪ Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	-	1.989.097.090
▪ Các khách hàng khác	35.887.129.993	42.598.596.706
	120.195.281.369	135.755.514.888

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	32.689.814.936	52.289.814.936
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	16.999.388.608	-
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1	3.023.251.050	3.023.251.050
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (*)	75.987.039.404	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	-	33.000.000.000
<b>Phải thu về cho vay các công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
▪ Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	1.470.042.156	1.470.042.156
	<hr/>	
	150.169.536.154	109.783.108.142
	<hr/>	

(\*) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May và không hưởng lãi từ năm 2017.

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn khác không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10% (1/1/2018: từ 0% đến 10%) một năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>			
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (i)	2035	541.018.521.677	530.212.340.697
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 1 (i)	2035	221.034.325.642	216.610.041.473
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 2 (ii)		-	104.848.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội – Khoản 3 (ii)		-	32.084.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (i)	2035	217.636.150.017	213.279.884.378
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (i)	2036	136.896.862.879	134.052.944.101
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (iii)	2023	48.000.000.000	64.999.388.608
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2035	82.691.835.524	81.036.653.097
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May		-	75.987.039.404
▪ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3 – Khoản 1 (i)	2035	77.306.368.141	75.758.982.254
▪ Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3 – Khoản 2 (iv)	2020	76.576.562.952	63.576.562.952
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân (i)	2035	61.243.894.387	59.996.692.397
		<b>1.462.404.521.219</b>	<b>1.652.442.529.361</b>

- (i) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 19(b)(ii)). Các khoản cho vay này hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (ii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất cố định 7% một năm. Khoản vay này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Trong năm 2018, Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng vay vốn số 05/HĐ/TĐDMVN-HNSM/MNĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 để Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội thực hiện thủ tục tăng vốn nhà nước tại công ty cổ phần. Do đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam phân loại lại khoản phải thu về cho vay dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội thành khoản phải thu ngắn hạn khác.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, được điều chỉnh 3 tháng một lần và dao động từ 8% đến 9% một năm (2017: 5% đến 6% một năm).
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi từ năm 2017.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu	532.890.073.502	374.225.475.780
Phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (Thuyết minh 7(b)(ii))	136.932.000.000	-
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	91.613.815.804	36.798.951.880
Tiền lãi cho vay	52.113.256.129	67.173.691.163
Phải thu khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	-	17.500.000.000
Lãi tiền gửi	8.432.175.637	8.909.956.416
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	5.218.333.324	5.102.833.324
Tạm ứng cho công nhân viên	735.668.480	2.626.841.891
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.450.433.107	6.526.317.868
	<hr/>	<hr/>
	843.385.755.983	518.864.068.322
	<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	175.832.446.173	82.655.791.576
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	157.155.571.740	19.559.930.024
▪ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3	3.896.737.242	2.746.675.518
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	37.335.876.921	29.374.627.621
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	32.322.296.136	34.287.191.263
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	10.769.080.000	10.769.080.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	16.277.317.059	19.230.237.532
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	19.317.094.542	7.632.632.926
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	91.613.815.804	36.798.951.880
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	16.320.000.000	28.560.000.000
▪ Các công ty con khác	20.044.450.000	11.569.620.525
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	46.920.720.000	46.920.720.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	98.550.000.000	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	16.602.062.400	14.230.339.200
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	12.600.000.000	10.080.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	8.850.670.500	8.850.670.500
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	12.272.877.600	11.505.823.200
▪ Các công ty liên kết khác	20.261.207.465	18.345.447.686
	796.942.223.582	417.755.239.451

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu dài hạn khác từ công ty con</b>		
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty		
Dệt May Miền Bắc – Vinatex (i)	132.411.085.662	153.678.500.495
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (ii)	170.496.650.079	170.496.650.079
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.354.650.857	5.311.153.500
Khác	19.286.359	4.003.286.359
	<hr/>	<hr/>
	307.281.672.957	333.489.590.433
	<hr/>	<hr/>

- (i) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Quảng Bình và Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tạm bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2018.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang thực hiện các thủ tục để bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex.

- (ii) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2018		1/1/2018				
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-		-	-	-
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-		-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-		-	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Dệt may Hưng Yên	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-		-	-	-
Teddy S.P.A	1 - 2 năm	11.340.010.048	(8.347.456.459)	2.992.553.589		-	-	-
VND Clothing Company., Inc	1 - 2 năm	5.833.214.083	(380.382.698)	5.452.831.385		-	-	-
		<b>17.871.286.031</b>	<b>(9.425.901.057)</b>	<b>8.445.384.974</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(9.425.901.057)



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	49.667.147.243	-	195.007.547	-
Nguyên vật liệu	126.734.724.864	(10.626.232.452)	110.195.329.688	-
Công cụ và dụng cụ	1.692.148.670	-	37.320.774	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.895.444.240	-	20.865.159.655	-
Thành phẩm	63.203.889.709	(5.091.100.632)	32.242.465.880	-
Hàng hóa	297.862.656	-	1.107.283.802	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.188.711.006	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	263.491.217.382	(15.717.333.084)	165.831.278.352	-

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 107.414 triệu VND nguyên vật liệu và 60.738 triệu thành phẩm (1/1/2018: Không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	514.728.808.138	1.022.876.857.028	50.941.477.772	42.715.007.442	1.631.262.150.380
Tăng trong năm	785.963.755	4.998.383.762	3.753.200.000	229.045.388	9.766.592.905
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	28.284.863.363	2.443.992.073	93.211.818	-	30.822.067.254
Phân loại lại	(588.433.488)	4.764.871.688	(3.753.200.000)	(423.238.200)	-
Thanh lý	(67.918.182)	(12.665.720)	(271.114.356)	(30.630.000)	(382.328.258)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	-	(1.012.000.000)	-	(1.012.000.000)
Số dư cuối năm	543.143.283.586	1.035.071.438.831	49.751.575.234	42.490.184.630	1.670.456.482.281
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	201.920.172.428	200.715.627.802	21.512.416.977	17.550.485.610	441.698.702.817
Khấu hao trong năm	24.395.257.876	69.888.633.453	4.444.277.577	3.544.533.823	102.272.702.729
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.885.297.673	-	-	1.885.297.673
Phân loại lại	639.248.786	(308.973.330)	92.962.744	(423.238.200)	-
Thanh lý	(67.918.182)	(12.665.720)	(151.319.622)	(30.630.000)	(262.533.524)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	-	-	(1.012.000.000)	-	(1.012.000.000)
Số dư cuối năm	226.886.760.908	272.167.919.878	24.886.337.676	20.641.151.233	544.582.169.695
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	312.808.635.710	822.161.229.226	29.429.060.795	25.164.521.832	1.189.563.447.563
Số dư cuối năm	316.256.522.678	762.903.518.953	24.865.237.558	21.849.033.397	1.125.874.312.586

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 114.156 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 104.500 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 942.175 triệu VND (1/1/2018: 1.040.631 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	78.833.849.210	2.040.842.000	80.874.691.210
Tăng trong năm	-	210.000.000	210.000.000
Số dư cuối năm	78.833.849.210	2.250.842.000	81.084.691.210
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	13.282.632.280	1.373.093.630	14.655.725.910
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	518.883.244	2.157.614.020
Số dư cuối năm	14.921.363.056	1.891.976.874	16.813.339.930
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	65.551.216.930	667.748.370	66.218.965.300
Số dư cuối năm	63.912.486.154	358.865.126	64.271.351.280

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 535 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	125.972.077.969	125.145.930.499
Tăng trong năm	115.416.274.307	277.602.130.362
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.936.769.581)	(62.638.516.659)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(18.971.938.370)	(7.870.154.966)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	(21.985.034.846)	(181.099.760.231)
Điều chuyển tài sản cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	(22.513.346.379)	(25.167.551.036)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>148.981.263.100</b>	<b>125.972.077.969</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Nhà máy Sợi Nam Định	17.326.009.802	17.326.009.802
Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	-	6.714.821.764
Nhà máy May Cần Thơ	-	7.492.867.447
Nhà máy May Tuyên Quang	-	10.205.514.823
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	116.759.471.318	66.631.675.190
Các công trình khác	14.895.781.980	17.601.188.943
<b>Tổng cộng</b>	<b>148.981.263.100</b>	<b>125.972.077.969</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 134.085 triệu VND (1/1/2018: 108.371 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 1.500 triệu VND (2017: 2.004 triệu VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	32.153.181.363	42.151.515.136	5.747.866.374	12.116.851.492	6.932.108.312	99.101.522.677
Tăng trong năm	-	-	3.407.993.578	-	-	3.407.993.578
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	8.127.358.000	-	10.844.580.370	18.971.938.370
Phân bổ trong năm	(1.221.084.269)	(17.072.932.742)	(6.885.822.048)	(3.029.212.872)	(16.268.341.005)	(44.477.392.936)
Biến động khác (*)	-	(25.078.582.394)	-	-	-	(25.078.582.394)
Số dư cuối năm	30.932.097.094	-	10.397.395.904	9.087.638.620	1.508.347.677	51.925.479.295

(\*) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam kết thúc hợp đồng thuê nhà xưởng trước thời hạn và bù trừ chi phí thuê nhà xưởng trả trước với các khoản phải trả Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Phải trả người bán là các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	22.718.038	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	-	2.220.331.644
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	19.679.625	1.170.869.004
Các công ty con khác	457.035.628	297.453.152
<b>Phải trả người bán là các công ty liên kết</b>		
Tổng Công ty May 10 – CTCP	194.988.235	6.092.704.914
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	3.955.333.800
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	421.481.300	5.322.046.399
Các công ty liên kết khác	863.842.124	-
<b>Phải trả người bán khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Quang	10.120.872.338	-
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	1.535.428.720	17.020.434.656
Công ty Cổ phần Xây dựng Byd Việt Nam	1.271.708.370	1.928.956.200
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	-	5.316.209.000
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	7.141.808.900	3.781.278.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	-	3.452.386.017
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	-	2.656.477.385
Các nhà cung cấp khác	27.546.384.943	36.713.625.108
	49.595.948.221	89.928.105.629

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/ đã thu được trong năm VND	31/12/2018 VND
<b>Thuế</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.220.199	-	-	220.220.199
<i>Văn phòng</i>	220.220.199	-	-	220.220.199
Thuế xuất, nhập khẩu	410.596.069	49.417.768	(404.555.442)	55.458.395
<i>Văn phòng</i>	52.763.159	-	-	52.763.159
<i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	357.832.910	-	(357.832.910)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	1.056.530	(1.056.530)	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	8.112.235	(8.112.235)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	40.249.003	(37.553.767)	2.695.236
Thuế thu nhập cá nhân	338.681	44.422.691	(44.761.372)	-
<i>Chi nhánh Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	338.681	44.422.691	(44.761.372)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(1.000.000)	2.000.000
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	3.000.000	(1.000.000)	2.000.000
	631.154.949	96.840.459	(450.316.814)	277.678.594



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2018 VND
<b>Thuế</b>						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	34.238.650.436	-	(1.167.898.173)	(32.275.480.786)	795.271.477
<i>Văn phòng</i>	-	17.013.739.134	-	-	(17.013.739.134)	-
<i>Chi nhánh văn phòng Hồ Chí Minh</i>	-	1.321.726.210	-	-	(1.321.726.210)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	1.701.166.832	-	-	(1.701.166.832)	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	5.963.636.031	-	(4.159.079)	(5.959.476.952)	-
<i>Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi</i>	-	24.846.757	-	-	(24.846.757)	-
<i>Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed</i>	-	4.915.574.283	-	-	(4.915.574.283)	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	952.255.381	-	-	(952.255.381)	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	2.345.705.808	-	(1.163.739.094)	(386.695.237)	795.271.477
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.158.995.295	(1.158.995.295)	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	-	468.238.750	(468.238.750)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Hưng</i>	-	-	3.627.419	(3.627.419)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	596.286.407	(596.286.407)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	90.842.719	(90.842.719)	-	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2018 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào/ số phải thu VND	31/12/2018 VND
Các loại thuế khác	296.053.511	-	3.381.258.410	(3.382.991.555)	-	294.320.366
+ Thuế môn bài	-	-	63.091.450	(63.091.450)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	32.045.725	(32.045.725)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Hưng	-	-	26.045.725	(26.045.725)	-	-
Trung tâm XLNT KCN Dệt May Phố Nối	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	296.053.511	-	3.318.166.960	(3.319.900.105)	-	294.320.366
Văn phòng	194.053.311	-	3.017.995.929	(2.942.523.369)	-	269.525.871
Nhà máy Sợi Phú Hưng	70.907.887	-	188.495.178	(259.403.065)	-	-
Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	15.965.805	-	12.222.621	(28.188.426)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	4.306.804	-	54.560.326	(52.674.923)	-	6.192.207
Nhà máy Sợi Phú Cường	10.819.704	-	35.626.777	(31.865.974)	-	14.580.507
Trung tâm Thời trang Vinatex	-	-	9.266.129	(5.244.348)	-	4.021.781
<b>Các khoản phải nộp khác</b>						
Tiền thuê đất	-	-	6.991.013.587	(6.991.013.587)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	4.297.151.612	(4.297.151.612)	-	-
Văn phòng Hồ Chí Minh	-	-	2.693.861.975	(2.693.861.975)	-	-
	296.053.511	34.238.650.436	11.531.267.292	(12.700.898.610)	(32.275.480.786)	1.089.591.843



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	-	1.165.348.585
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	13.771.460.061	-
Chi phí phải trả khác	1.055.517.376	1.377.173.599
	<hr/>	<hr/>
	14.826.977.437	2.542.522.184
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	15.775.649.437	3.491.194.184

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	25.614.144.000	26.562.816.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	24.665.472.000	25.614.144.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 50 năm (từ ngày 14 tháng 3 năm 2005 đến ngày 14 tháng 3 năm 2055) được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo năm 2012 của Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	360.509.747.843	363.057.205.021
Cổ tức phải trả	50.236.956.125	223.403.125
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Phải trả về cổ phần hóa	5.449.245.603	5.449.245.603
Lãi vay phải trả	6.715.072.795	2.106.284.873
Phải trả quỹ khen thưởng, phúc lợi phân bổ cho công ty con	3.450.195.423	3.055.465.397
Quỹ từ thiện	3.395.248.287	3.395.248.287
Phải trả các công ty liên quan	10.863.016.382	1.269.620.999
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.164.567.757	865.503.388
Các khoản phải trả khác	6.995.361.619	12.152.919.684
	<hr/> <b>456.341.502.846</b>	<hr/> <b>399.136.987.389</b>

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN, chi tiết như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	<hr/> <b>7.562.091.012</b>	<hr/> <b>7.562.091.012</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần (Thuyết minh 5(c)). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	107.474.354.058	579.879.102.434	(522.603.096.158)	164.750.360.334
Vay dài hạn đến hạn trả	89.707.261.756	94.042.715.385	(106.912.879.777)	76.837.097.364
	197.181.615.814	673.921.817.819	(629.515.975.935)	241.587.457.698

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2018	1/1/2018
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	USD	3,1	17.639.103.303	19.792.177.830
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,1	55.194.281.566	50.763.657.289
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	3,1 - 3,3	47.800.237.200	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	USD	2,85	44.116.738.265	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Xuân	USD	1,7 - 2,0	-	34.887.367.673
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế	USD	1,7 - 2,0	-	2.031.151.266
			164.750.360.334	107.474.354.058

Các khoản vay ngắn hạn còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không được đảm bảo.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	2,8	2025	93.306.158.498	105.365.502.515
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	9,4	2025	56.756.405.940	56.756.405.940
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2039	1.626.826.959.586	1.592.255.045.441
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	VND	8,6 - 9	2027	3.125.000.000	3.625.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	2,8 - 5,12	2027	146.164.560.000	172.740.530.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	5,135	2028	166.027.637.512	208.771.450.895
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình (iv)	VND	9,4	2028	19.943.187.085	23.411.567.449
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	VND	9	2025	4.745.371.071	4.745.371.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (v)	USD	4,3 - 4,97	2025	34.367.686.010	4.665.222.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	VND	8,8	2024	50.353.262.842	52.542.532.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (vi)	USD	4,7	2024	80.114.473.625	85.469.576.075
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (vii)	USD	2,5	2024	-	21.311.902.675
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (vii)	VND	9,9	2024	-	3.760.940.340
				<b>2.281.730.702.169</b>	<b>2.335.421.047.243</b>
				<b>(76.837.097.364)</b>	<b>(89.707.261.756)</b>
				<b>2.204.893.604.805</b>	<b>2.245.713.785.487</b>

Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 245.985 triệu VND (1/1/2018: 259.532 triệu VND).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 162.741 triệu VND (1/1/2018: 214.092 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
- các khoản tương đương tiền của tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2018: 110.000 triệu VND); và

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%. Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

(iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 191.476 triệu VND (1/1/2018: tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tổng cộng là 260.675 triệu VND).

(iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 359.299 triệu VND (1/1/2018: 376.767 triệu VND).

(v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Quế Sơn với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 116.759 triệu VND (1/1/2018: 66.632 triệu VND).

(vi) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

(vii) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Cần Thơ bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	29.088.832.680	28.124.725.788
Trích lập trong năm	5.490.153.657	13.385.248.595
Sử dụng trong năm	(10.368.881.469)	(10.264.754.830)
Phân phối cho các công ty con	(394.730.026)	(2.156.386.873)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	23.815.374.842	29.088.832.680

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	270.680.157.078	543.092.845.223	5.843.684.653.193
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	255.490.153.657	-	255.490.153.657
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.385.248.595)	-	(13.385.248.595)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
Biến động khác	-	-	-	(128)	(128)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	262.785.062.140	543.092.845.095	5.835.789.558.127
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	345.377.348.130	-	345.377.348.130
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.490.153.657)	-	(5.490.153.657)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(250.000.000.000)	-	(250.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	5.000.000.000.000	29.911.650.892	352.672.256.613	543.092.845.095	5.925.676.752.600



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	31/12/2018	1/1/2018				
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu		
				VND		
				%		
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX (trước là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam) (*)	35.000.000	350.000.000.000	7,00%	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
ITOCHU Textile Prominent (ASIA) Limited	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	15.000.000	150.000.000.000	3,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	52.561.900	525.619.000.000	10,51%	67.561.900	675.619.000.000	13,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(\*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-DHĐCĐ chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX có trách nhiệm chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển VNTEX đã chuyển nhượng 35.000.000 cổ phiếu cho các bên khác.



## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2017 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2017: cổ tức năm 2016 là 250.000 triệu VND). Tại thời điểm phát hành báo cáo riêng này, cơ quan đại diện chủ sở hữu Vốn Nhà nước chưa có văn bản chấp thuận phương án chia cổ tức năm 2017 của Tập đoàn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, Tập đoàn đã tạm ứng cổ tức năm 2017 là 200.000 triệu VND (tỷ lệ 4% trên mệnh giá).

## 24. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	31/12/2018 và 1/1/2018 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	32.422.652.022	34.738.974.825
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(2.041.627.020)	(2.316.322.803)
Số dư cuối năm	<u>30.381.025.002</u>	<u>32.422.652.022</u>

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	957.136	22.183.108.877	1.146.896	25.893.515.342
EUR	168	4.624.524	179	4.836.653
		<u>22.187.733.401</u>		<u>25.898.351.995</u>

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	310.152.292.584	294.029.253.353
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	96.763.502.726	109.170.049.757
	<u>406.915.795.310</u>	<u>403.199.303.110</u>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Bán hàng	886.698.958.081	1.203.766.796.156
Dịch vụ gia công	247.062.750	56.650.568.317
Cung cấp dịch vụ	76.852.656.216	40.179.924.954
Khác	6.341.734.661	12.636.562.139
	<hr/>	<hr/>
	970.140.411.708	1.313.233.851.566

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Hàng hoá đã bán	835.274.883.943	1.138.524.484.883
Dịch vụ gia công	242.350.403	71.728.093.793
Dịch vụ đã cung ứng	47.068.522.288	17.027.573.512
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.717.333.084	-
	<hr/>	<hr/>
	898.303.089.718	1.227.280.152.188

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	97.109.856.289	141.125.779.015
Cổ tức	416.277.089.138	331.782.179.167
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	3.122.184.622
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.577.438.473	2.840.764.429
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	140.737.472
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.185.964.793	5.473.100.969
	<hr/>	<hr/>
	518.150.348.693	484.484.745.674

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	36.373.445.492	34.506.544.023
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	283.434.274
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	959.461.259	109.970.779.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	821.543.933	1.749.855.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.503.627.510	-
Các chi phí tài chính khác	1.684.796.771	736.587.533
	<hr/>	<hr/>
	62.342.874.965	147.247.200.484
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	42.881.527.796	38.978.985.195
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.716.534.102	16.791.034.646
Chi phí thuê đất và nhà cửa	18.337.397.924	20.656.476.772
Công tác phí	7.228.392.802	6.636.823.421
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.565.462.582	3.945.978.621
Chi phí điện, nước, điện thoại	1.491.674.861	6.594.216.719
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	2.784.612.295	3.551.818.181
Dự phòng khoản phải thu khó đòi	9.425.901.057	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	55.462.442.284	38.537.420.345
	<hr/>	<hr/>
	152.893.945.703	135.692.753.900
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	584.678.534.747	762.466.254.013
Chi phí nhân viên	90.776.655.298	106.507.168.792
Chi phí khấu hao và phân bổ	103.609.773.998	99.976.542.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.733.381.185	161.343.322.626
Chi phí khác	95.537.423.817	81.643.205.856
	<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	345.377.348.130	255.490.153.657
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	69.075.469.626	51.098.030.731
Thuế tương ứng với chi phí không được khấu trừ thuế	5.622.520.248	1.213.899.503
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(83.255.417.828)	(66.356.435.833)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	8.557.427.954	14.044.505.599
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc**

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu					Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2018 VND
		Tổng doanh thu 2018 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2018 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2018 VND	Thu nhập khác 2018 VND		
1	Văn phòng Công ty mẹ	637.139.352.259	120.105.026.759	515.567.234.567	1.467.090.933	369.668.575.709	
2	<b>Các đơn vị phụ thuộc</b>						
	Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt May Phố Nội	1.368.233	-	1.368.233	-	(175.088.584)	
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	56.680.465.091	56.392.647.552	165.817.539	122.000.000	(9.768.253.543)	
	Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	41.133	-	41.133	-	(5.708.804)	
	Nhà máy Sợi Phú Hưng	121.303.733.245	120.999.846.287	205.979.332	97.907.626	137.930.224	
	Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	20.073.518.805	20.066.259.541	7.259.264	-	(25.204.298.462)	
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	344.737.230.278	343.878.004.323	859.225.955	-	6.202.217.901	
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	287.704.278.342	286.368.074.839	1.336.203.503	-	(2.704.588.222)	
	Trung tâm Thời trang Vinatex	22.338.959.441	22.330.552.407	7.219.167	1.187.867	7.235.970.846	
	Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	-	-	-	-	(9.408.935)	
3	<b>Tổng cộng</b>	1.489.978.946.827	970.140.411.708	518.150.348.693	1.688.186.426	345.377.348.130	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</b>		
Nhận hoàn trả gốc vay	6.600.000.000	6.600.000.000
Cung cấp dịch vụ	6.300.000	-
Thu nhập lãi vay	919.022.195	1.554.397.078
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng		
Phát triển Châu Á	2.820.406.586	1.431.579.577
Hoàn trả lãi phí vay	2.745.052.761	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Bán hàng hóa	83.704.424.793	-
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	25.992.449.500	-
Mua hàng hóa	1.948.268.257	-
Góp vốn	13.000.000.000	-
Cổ tức	650.000.000	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Cổ tức	36.539.052.500	29.231.242.000
Mua vốn cổ phần	-	38.731.390.000
Bán hàng hóa	-	13.389.286.624
Doanh thu cho thuê tài sản	4.009.751.480	-
Cung cấp dịch vụ	901.288.641	-
Doanh thu gia công	29.884.109.575	-
Mua hàng hóa	340.593.662	1.444.250.028
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng		
Phát triển Châu Á	7.940.128.887	4.019.913.848
Hoàn trả lãi phí vay	7.731.156.459	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa	3.323.073.600	3.186.313.200
Cung cấp dịch vụ	502.899.425	-
Doanh thu cho thuê nhà	3.085.530.947	3.270.415.894
Cổ tức	93.521.990.000	82.299.351.200
Mua hàng hóa và dịch vụ	173.376.503	485.600.600
Thu nhập tiền lãi	-	33.402.778
Hoàn trả lãi phí vay	19.223.656.498	6.500.000.000
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng		
Phát triển Châu Á	19.737.480.334	10.290.350.558

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Thu nhập tiền lãi	-	19.414.305.665
Cung cấp dịch vụ	71.580.000	85.440.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.112.813.932	41.525.217.989
Khoản cho vay	-	172.932.000.000
Hoàn trả gốc vay	33.000.000.000	-
Hoàn trả lãi phí vay	7.842.830.129	-
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	8.064.105.732	4.090.437.230
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Cổ tức	3.649.850.000	4.379.820.000
Thu nhập tiền lãi	5.719.946.202	3.523.232.899
Bán hàng hóa	4.631.315.174	-
Cung cấp dịch vụ	48.860.000	33.860.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.036.414.971	1.459.251.504
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	113.750.024.555
Hoàn trả lãi phí vay	4.730.443.712	-
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.003.193.414	667.052.156
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Cổ tức	10.769.080.000	10.769.080.000
Cung cấp dịch vụ	30.000.000	-
Mua hàng hóa	-	46.573.415
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Cổ tức	15.974.560.000	19.169.472.000
Mua hàng hóa	-	9.304.291.660
Cung cấp dịch vụ	-	58.800.000
Hoàn trả lãi phí vay	2.922.540.468	-
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.016.951.826	1.531.324.990
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.727.939.633	9.252.993.293
Bù trừ khoản phải thu về cho vay và khoản phải trả tiền thuê tài sản	-	9.460.000.000
Bù trừ chi phí thuê nhà xưởng trả trước với các khoản phải trả	25.078.582.394	-
Thu nhập tiền lãi	-	542.282.520
Cổ tức	4.128.737.880	7.632.632.926
Bán hàng hóa	19.989.651.506	-
Cung cấp dịch vụ	10.020.790.000	9.563.431.963



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.578.947.368	-
Cung cấp dịch vụ	305.103.377	789.473.684
Cổ tức	480.629.829	3.989.219.648
Cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	22.032.574.930
Hoàn trả lãi phí vay	2.123.424.960	-
Lãi phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.235.849.920	846.061.618
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May</b>		
Mua hàng hóa	-	250.000.000
Khoản cho vay	-	3.023.251.050
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</b>		
Góp vốn bằng tài sản	37.619.748.915	33.117.306.562
Phải thu về tài sản đã bàn giao	486.564.242	148.428.074.431
Cung cấp dịch vụ	-	4.621.545.797
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	39.360.000	-
Điều chỉnh giảm khoản đầu tư	1.973.551.086	7.317.745.149
<b>Công ty Cổ phần Dệt Kim Vinatex</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	824.474.000
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối</b>		
Cổ tức	16.320.000.000	28.560.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ	4.165.250.000	2.470.800.000
Mua dịch vụ	-	3.279.275.945
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>		
Cổ tức	3.727.500.000	3.727.500.000
Cung cấp dịch vụ	776.282.400	771.213.600
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</b>		
Cổ tức	-	279.000.000
Bán hàng hóa	-	121.740.000
<b>Công ty Cổ phần Bông Việt Nam</b>		
Cổ tức	1.925.000.000	1.375.000.000

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP</b>		
Cổ tức	98.550.000.000	24.637.500.000
Cung cấp dịch vụ	6.930.000	-
Mua hàng hóa	-	7.982.868.650
<b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>		
Cổ tức	12.272.877.600	11.505.823.200
Cung cấp dịch vụ	442.804.186	120.000.000
Mua hàng hóa	14.907.573.705	19.547.822.493
<b>Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai</b>		
Cổ tức	4.752.820.800	1.430.956.800
Vốn góp	-	7.665.840.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu nhập tiền lãi	1.759.999.999	2.027.777.778
Mua hàng hóa	-	251.573.986
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	15.645.132.000	6.954.246.040
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Cổ tức	-	1.485.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cổ tức	1.984.500.000	1.417.500.000
Bán hàng hóa	29.090.909	14.776.173.001
Cung cấp dịch vụ	379.413.511	-
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Cổ tức	612.000.000	612.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	4.417.350.000	3.155.250.000
<b>Tổng Công ty Đức Giang – CTCP</b>		
Cổ tức	8.850.670.500	8.850.670.500
Mua vốn cổ phần	-	2.546.950.000
Mua hàng hóa	11.860.304.597	17.415.455.027
Cung cấp dịch vụ	7.920.000	20.000.000



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên</b>		
Cổ tức	46.920.720.000	46.920.720.000
Cung cấp dịch vụ	2.519.327.395	25.000.000
Mua hàng hóa	14.381.641	1.135.528.341
<b>Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP</b>		
Cổ tức	16.602.062.400	16.602.061.000
Cung cấp dịch vụ	202.155.717	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định</b>		
Cổ tức	777.591.600	666.512.000
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Cổ tức	1.440.000.000	720.000.000
Cung cấp dịch vụ	135.083.254	45.840.000
<b>Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu</b>		
Khoản cho vay	-	105.108.015
Thu nhập tiền lãi	95.665.454	-
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Cổ tức	15.120.000.000	10.080.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.383.393.374	2.420.927.535
Mua hàng hóa	210.035.427	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	273.964.000
Mua hàng hóa	8.569.393	-
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Cổ tức	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao đã trả	3.345.257.204	2.413.368.000
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Lương và thù lao đã trả	3.761.689.606	2.791.491.987

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Tăng đầu tư thuần vào các công ty con thông qua điều chuyển tài sản và các khoản phải thu, phải trả	35.646.197.829	25.799.561.413
Tiền lãi từ các khoản cho các công ty con vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á nhập gốc cho vay	12.910.125.343	22.876.719.977
Lãi vay nhập gốc vay	2.375.511.831	29.846.866.176
Bù trừ khoản phải thu cổ tức và phải trả khác của Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	4.526.480.000	-
Điều chuyển khoản vay cho các công ty con	-	113.992.382.510
Chuyển khoản phải thu khác thành khoản phải thu về cho vay	-	36.000.000.000
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản chi phí thuê nhà xưởng phải trả	-	9.460.000.000

**37. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 4 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Trưởng Ban Tài chính Kế toán




Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc